

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ
Số: **3849** /QB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày **29** tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình Khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Sở Công Thương tại Tờ trình số 1901/TTr-SCT ngày 03/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính;
- TT.Tỉnh uỷ, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Tin học tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN(02b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng





**CHƯƠNG TRÌNH
KHUYẾN CÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số : **3849** /QĐ-UBND
ngày **29** / **12**/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, gắn chế biến với phát triển vùng nguyên liệu, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ.

- Khai thác tiềm năng lợi thế của tỉnh, nâng cao giá trị sản phẩm nông - lâm - thủy sản, tạo việc làm, tăng thu nhập và góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, giảm thiểu phát thải góp phần bảo vệ môi trường.

- Góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất và tăng khả năng cạnh tranh của các cơ sở công nghiệp nông thôn (sau đây viết tắt là CNNT) trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số chuyên ngành, lĩnh vực, có khả năng đáp ứng cơ bản các yêu cầu phát triển của nền kinh tế và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phân đầu đưa hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh góp phần thực hiện các chỉ tiêu của tỉnh như sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 7,5 - 8%.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 85 - 90 triệu đồng.

- Đến năm 2025 cơ cấu kinh tế khu vực phi nông nghiệp là 85% (tính theo GRDP).

- Tỷ trọng đóng góp của kinh tế tư nhân trong GRDP đến năm 2025 là 70%.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 đạt 20.500 - 21.500 tỷ đồng.

- Số lao động được tạo việc làm mới bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 là 12.000 lao động.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng từ 10 - 12 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới.

- Hỗ trợ 90 - 100 đề án chuyển giao công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Hỗ trợ đào tạo tay nghề cho khoảng 300 lao động địa phương.

- Triển khai 10 - 12 đề án sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Hỗ trợ xây dựng, bảo hộ 10 thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa của địa phương.

- Tổ chức, hỗ trợ 20 - 25 đoàn doanh nghiệp tham gia các hội chợ trong nước, 02 kỳ bình chọn sản phẩm CNNT cấp tỉnh.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết 3 - 5 cụm, điểm công nghiệp, hỗ trợ 5 - 6 đề án hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp (CCN), xử lý ô nhiễm và di dời các cơ sở CNNT vào CCN.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền trong lĩnh vực công thương.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NGÀNH NGHỀ, NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng theo Khoản 2 Điều 1 quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Ngành, nghề áp dụng

Ngành, nghề áp dụng theo Điều 2 quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3. Nội dung và mức chi áp dụng

Nội dung và mức chi hoạt động khuyến công cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng theo Điều 5 của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Chương trình khởi sự, thành lập và nâng cao năng lực cơ sở CNNT

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT trong hoạt động tư vấn lập dự án đầu tư, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT thuê tư vấn quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực - marketing; tư vấn công nghệ - thiết bị mới; tư vấn, hướng dẫn về chính sách đất đai, chính sách ưu đãi đầu tư, khoa học công nghệ, tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

- Tổ chức các lớp đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp cho các cơ sở, doanh nghiệp CNNT.

- Hỗ trợ để thành lập hội, chi hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh.

- Hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp.

2. Chương trình xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến và phát triển sản phẩm mới.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất hay sản xuất sản phẩm mới.

- Hỗ trợ nhận chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất tiên tiến; đổi mới, ứng dụng máy móc, thiết bị hiện đại (so với máy móc thiết bị cơ sở CNNT đang sử dụng) vào hoạt động sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường hoặc tạo ra sản phẩm mới.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình đối với các cơ sở đang hoạt động có hiệu quả hoàn thiện quy trình và tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân học tập.

3. Chương trình đào tạo nghề cho các cơ sở CNNT

- Hỗ trợ đào tạo nghề tại chỗ cho các cơ sở, doanh nghiệp gắn với việc sử dụng lao động sau đào tạo.

- Hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp CNNT gửi lao động đi đào tạo tại các tỉnh, thành trong nước.

- Hỗ trợ các nghề nhân mở các lớp dạy nghề, truyền nghề cho lao động địa phương.

4. Chương trình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

- Hỗ trợ tư vấn, đánh giá sản xuất sạch hơn và áp dụng kỹ thuật sản xuất sạch hơn tại các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

- Hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Tổ chức tập huấn, hội thảo, tuyên truyền, phát hành các tài liệu, tờ rơi, ấn phẩm nhằm nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng sản xuất sạch hơn.

5. Chương trình bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp

Hỗ trợ thuê tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu; in ấn, đóng gói sản phẩm ban đầu; xây dựng, đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp sản phẩm.

6. Chương trình phát triển sản phẩm CNNT và thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức, tham gia hoặc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, cơ sở CNNT tham gia các hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở CNNT, các tổ chức dịch vụ khuyến công đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm CNNT tiêu biểu, làng nghề.

- Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp của tỉnh, cấp huyện theo định kỳ.

7. Chương trình phát triển cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết các CCN, điểm công nghiệp - làng nghề.

- Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

- Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư di dời vào các khu, cụm, điểm công nghiệp - làng nghề.

- Đối với nguồn vốn khuyến công quốc gia (KCQG), ngoài các nội dung trên thì đề nghị hỗ trợ địa phương trong việc đầu tư kết cấu hạ tầng và xử lý nước thải các CCN.

8. Chương trình nâng cao năng lực quản lý, thực hiện hoạt động khuyến công và khen thưởng

- Xây dựng các chương trình, đề án, quản lý chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu các đề án khuyến công.

- Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

- Tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước về hoạt động khuyến công; tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá, tổng kết hoạt động khuyến công.

- Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp; trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu về hoạt động khuyến công, ngành công thương.

- Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho công tác khuyến công.

- Tổ chức đánh giá và đề nghị khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến: 45.880 triệu đồng.

Trong đó:

- Kinh phí khuyến công quốc gia (ngân sách TW) hỗ trợ thực hiện các đề án trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là: 15.900 triệu đồng;

- Kinh phí khuyến công tỉnh (ngân sách tỉnh): 16.480 triệu đồng;

- Kinh phí khuyến công cấp huyện (ngân sách các huyện, thị xã, thành phố): 13.500 triệu đồng. Bình quân mỗi năm các huyện, thị xã, thành phố bố từ 200 - 400 triệu đồng để thực hiện các hoạt động khuyến công cấp huyện.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

V. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện

1.1. Về công tác chỉ đạo, quản lý

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp, các ngành và của nhân dân đối với việc thực hiện chính sách khuyến công.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

- Tăng cường công tác phối hợp trong các hoạt động hỗ trợ của Nhà nước cho các doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước và tránh trùng lặp các nội dung hỗ trợ trên một đơn vị.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương chính sách của nhà nước đến tận doanh nghiệp.

1.2. Về huy động nguồn vốn khuyến công

- HĐND, UBND các cấp bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương để bảo đảm tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công theo kế hoạch.

- Thu hút thêm các nguồn đóng góp, tài trợ nguồn vốn cho hoạt động khuyến công theo quy định của pháp luật. Tiếp cận tối đa kinh phí khuyến công quốc gia cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

1.3. Về nâng cao hiệu quả thực hiện công tác khuyến công

- Tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các chương trình khuyến công, xem hoạt động khuyến công là biện pháp hiệu quả thực hiện

mục tiêu phát triển CNNT.

- Kiện toàn tổ chức đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước về khuyến công (tỉnh, huyện). Nâng cao trình độ cán bộ khuyến công trên địa bàn tỉnh đáp ứng năng lực và tâm huyết với nghề nghiệp. Tăng cường công tác tập huấn, trao đổi thông tin, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ khuyến công trong, ngoài tỉnh.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động dịch vụ khuyến công theo quy định của pháp luật. Biểu dương, khen thưởng kịp thời các địa phương, các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chương trình, đề án khuyến công.

1.4. Về thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp

- Thúc đẩy cải cách hành chính, tạo môi trường hỗ trợ đầu tư thông thoáng, thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách khuyến công bố trí đủ nguồn vốn đối ứng để triển khai thực hiện chương trình.

- Ưu tiên hỗ trợ các đề án có suất đầu tư cao hơn trong cùng một nội dung nhằm thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn thực hiện Chương trình khuyến công.

- Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm và các đề án sử dụng kinh phí khuyến công của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm theo các nội dung Chương trình này.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp triển khai hướng dẫn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án được giao với kết quả cao nhất; tổ chức, hướng dẫn hoạt động khuyến công cấp huyện.

- Thực hiện các chế độ báo cáo về tình hình thực hiện Chương trình theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng ngân sách, cân đối nguồn vốn khuyến công trong dự toán ngân sách hàng năm trình UBND tỉnh, HĐND xem xét, quyết định.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thẩm định, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung chương trình.

2.3. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Xây dựng và phê duyệt kế hoạch khuyến công từng giai đoạn trên địa bàn mình để làm cơ sở chỉ đạo thực hiện. Tùy vào điều kiện ngân sách và nhu cầu phát triển sản xuất của địa phương để bố trí kinh phí khuyến công trong kế hoạch ngân sách hàng năm của huyện, thành phố, thị xã.

- Đề xuất, bổ sung trình Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp các chương trình, đề án khuyến công đề nghị hỗ trợ từ nguồn vốn khuyến công tỉnh và quốc gia. Phối hợp chặt chẽ triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công tỉnh và quốc gia.

- Tổ chức hoạt động khuyến công cấp huyện tùy theo điều kiện từng địa phương và thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ về công tác khuyến công hàng năm với Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2.4. Các Sở, Ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình phối hợp, tuyên truyền, lồng ghép các chương trình, đề án được phân công phụ trách với hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh.

2.5. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp

- Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công trên địa bàn toàn tỉnh.


- Trực tiếp, phối hợp với các đơn vị kiểm tra các cơ sở CNNT đăng ký nội dung khuyến công. Hướng dẫn các hồ sơ thủ tục các cơ sở có nội dung phù hợp với các quy định hỗ trợ khuyến công để trình Hội đồng thẩm định. Trực tiếp ký hợp đồng các đề án được giao hỗ trợ và thanh toán kinh phí cho đơn vị thụ hưởng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp hướng dẫn nghiệp vụ cho các cán bộ khuyến công cấp huyện.

- Thực hiện các chế độ báo cáo về hoạt động khuyến công theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu cho Sở Công Thương hoặc các cơ quan có thẩm quyền.

2.6. Các cơ sở, tổ chức, cá nhân thụ hưởng

Cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký; có trách nhiệm quyết toán đúng quy định; báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến thực hiện đề án khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thanh tra, kiểm tra.

Trên đây là Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./. 

Phụ lục 1

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hoạt động	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Giai đoạn 2021-2025	
		Đề án	KP KC	Đề án	KP KC	Đề án	KP KC	Đề án	KP KC	Đề án	KP KC	Đề án	KP KC
1	Xây dựng mô hình trình diễn, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất.	4	2.400	3	1.800	3	1.500	3	1.600	4	2.300	17	9.600
1.1	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới.	1	800	0	0	0	0	0	0	1	800	2	1.600
1.2	Chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất	3	1.600	3	1.800	3	1.500	3	1.600	3	1.500	15	8.000
2	Áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	0	0	0	0	1	400	0	0	0	0	1	400
3	Tổ chức, tham gia hội chợ trong, ngoài nước	0	0	0	0	1	1.300	0	0	0	0	1	1.300
4	Phát triển cụm công nghiệp	1	300	1	1.000	1	300	1	3.000	0	0	3	4.600
4.1	Lập quy hoạch CCN	1	300	0	0	1	300	0	0	0	0	2	600
4.2	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN ⁽¹⁾	0	0	0	0	0	0	1	3.000	0	0	1	3.000
4.3	Hỗ trợ nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các CCN	0	0	1	1.000	0	0	0	0	0	0	1	1.000
	Cộng:		2.700		2.800		3.500		4.600		2.300		15.900

Phụ lục 2

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hoạt động	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Giai đoạn 2021-2025	
		Đề án	KP KC	Đề án	KP KC	Đề án	KP KC	Đề án	KP KC	Đề án	KP KC	Đề án	KP KC
1	Khởi sự doanh nghiệp; nâng cao năng lực quản lý DN	1	40	0	0	1	40	0	0	1	40	3	120
2	Xây dựng mô hình trình diễn, chuyên giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất	17	1.900	17	2.000	18	2.280	17	2.300	18	2.480	87	10.960
2.1	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới.	2	400	2	400	2	500	2	500	2	500	10	2.300
2.2	Chuyên giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất	15	1.500	15	1.600	15	1.700	15	1.800	15	1.900	75	8.500
2.3	Nhân rộng mô hình	0	0	0	0	1	80	0	0	1	80	2	160
3	Đào tạo lao động	0	0	1	150	0	0	0	0	1	150	2	300
4	Áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	2	90	2	190	3	130	3	230	2	190	12	830
4.1	- Tư vấn đánh giá SXSH	1	40	1	40	2	80	2	80	1	40	7	280
4.2	- Áp dụng sản xuất sạch hơn	0	0	1	150	0	0	1	150	1	150	3	450
4.3	- Tập huấn, hội thảo về SXSH	1	50	0	0	1	50	0	0	0	0	2	100
5	Xây dựng nhãn hiệu, bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng CN...	2	70	2	70	2	70	2	70	2	70	10	350
6	Thị trường tiêu thụ và phát triển SP CNNT tiêu biểu	8	315	7	365	7	290	8	440	6	275	35	1.685
6.1	Tổ chức, tham gia hội chợ trong, ngoài nước	3	150	3	150	3	150	3	150	3	150	15	750

6.2	Hỗ trợ cơ sở CNNT tham gia hội chợ trong nước	3	90	1	30	2	60	2	60	1	40	9	280
6.3	Xây dựng điểm trưng bày giới thiệu sản phẩm	1	40	0	0	1	40	1	40	1	40	4	160
6.4	Bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu	0	0	1	150	0	0	1	150	0	0	2	300
6.5	Tổ chức đoàn giao thương, hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa, hợp tác phát triển thị trường trong nước	1	35	1	35	1	40	1	40	1	45	5	195
7	Phát triển cụm công nghiệp	2	200	2	200	2	200	2	200	2	200	10	1.000
7.1	Lập quy hoạch CCN	1	100	1	100	0	0	0	0	1	100	3	300
7.2	Di dời cơ sở CNNT gây ô nhiễm	1	100	0	0	1	100	1	100	0	0	3	300
7.3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho các DN, cơ sở CNNT	0	0	1	100	1	100	1	100	1	100	4	400
8	Quản lý đề án, nâng cao năng lực hoạt động khuyến công; Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, thị trường, kinh nghiệm sản xuất...		268		198		293		198		278		1.235
8.1	Quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động khuyến công...	-	30	-	30	-	30	-	30	-	30		150
8.2	Xây dựng tài liệu, tập huấn khuyến công	0	0	0	0	1	20	0	0	0	0	1	20
8.3	Tổ chức đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm khuyến công	1	70	0	0	1	75	0	0	1	80	3	225
8.4	Tổ chức hội nghị công tác khuyến công	1	10	1	10	1	10	1	10	1	10	5	50
8.5	Thông tin, tuyên truyền		158		158		158		158		158		790
	- Báo tin giấy	2	66	2	66	2	66	2	66	2	66	10	330
	- Website	1	20	1	20	1	20	1	20	1	20	5	100
	- Truyền hình, phóng sự và tuyên truyền khác.	12	72	12	72	12	72	12	72	12	72	60	360
	Cộng:		2.883		3.173		3.303		3.438		3.683		16.480